

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Quy chế phân cấp

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số 2383-CV/ĐU ngày 24/4/2025 của Đảng ủy Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thông qua chủ trương phê duyệt dự thảo Quy chế phân cấp và định hướng hoàn thiện Hệ thống QCQLNB;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-HĐTV ngày 25/4/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp và định hướng hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phân cấp”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2025.

Điều 3. Căn cứ Quy chế phân cấp ban hành kèm theo Quyết định này:

1. Tổng giám đốc EVN ban hành phân cấp, phân cấp lại cho Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVN, áp dụng từ ngày 01/6/2025.

2. Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định ban hành phân cấp cho các cấp quản lý, điều hành thuộc phạm vi quản lý; Người đại diện phần vốn của EVN tại công ty cổ phần biểu quyết ban hành phân cấp cho các cấp quản lý, điều hành thuộc phạm vi quản lý; áp dụng từ ngày 01/6/2025.

Điều 4. Hội đồng thành viên EVN, Tổng giám đốc EVN, các Phó Tổng giám đốc EVN, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban EVN, Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVN; Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV do EVN

- Như Điều 4;
- BTV Đảng ủy Tập đoàn (đề b/c);
- KSV EVN;
- Lưu: VT, PC.

Đặng Hoàng An

QUY CHẾ PHÂN CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐTV ngày .../4/2025
của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam)*

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *EVN* là công ty mẹ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.
2. *Công ty TNHH MTV cấp II* là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ.
3. *Công ty TNHH MTV cấp III* là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty TNHH MTV cấp II nắm giữ 100% vốn điều lệ.
4. *Đơn vị cấp II* là các đơn vị bao gồm công ty con và đơn vị trực thuộc EVN.
5. *Đơn vị cấp III* là các đơn vị bao gồm công ty con và đơn vị trực thuộc của Đơn vị cấp II.
6. *Cơ quan EVN* là khối cơ quan điều hành của EVN, bao gồm HĐTV, TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng EVN và bộ máy giúp việc của EVN.
7. *CTCP cấp II* là công ty cổ phần do EVN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc quyền chi phối khác theo khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
8. *CTCP cấp III* là công ty cổ phần do Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP cấp II nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc quyền chi phối khác theo khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.
9. *Tập đoàn* là Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
10. *HĐTV* là Hội đồng thành viên.
11. *TGD* là Tổng giám đốc.
12. *CTCP* là công ty cổ phần.
13. *HĐQT* là Hội đồng quản trị.

Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong các văn bản quy phạm pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN, Quy chế quản lý tài chính của EVN thì có nghĩa như trong các văn bản đó.

Điều 2. Quy định chung

HĐTV EVN thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước tại EVN; thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành

viên đối với công ty do EVN làm chủ sở hữu hoặc sở hữu cổ phần, phần vốn góp. Quy chế này quy định về thẩm quyền của HĐQT EVN, TGD EVN, HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP.

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN

a. Quyết định hoặc thông qua các công việc: i) thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của EVN, Công ty TNHH MTV cấp II, trừ công việc HĐQT EVN phân cấp cho TGD EVN, HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP theo Quy chế này; ii) thuộc thẩm quyền HĐQT EVN theo Quy chế này.

b. Thông qua các nội dung người đại diện của EVN tại CTCP báo cáo trước khi biểu quyết hoặc quyết định đối với: i) các vấn đề người đại diện của EVN tại CTCP có nghĩa vụ phải xin ý kiến chỉ đạo của EVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của EVN, Quy chế này và Hợp đồng ủy quyền đại diện quản lý phần vốn; ii) các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ CTCP.

c. Thông qua nội dung thuộc trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT EVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của EVN và Hợp đồng ủy quyền đại diện quản lý phần vốn đối với các vấn đề người đại diện tại Công ty TNHH MTV cấp II xin ý kiến với vai trò là cá nhân theo Hợp đồng ủy quyền đại diện quản lý phần vốn.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Quyết định hoặc thông qua các công việc: i) thuộc thẩm quyền của TGD EVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của EVN, Công ty TNHH MTV cấp II; ii) được HĐQT EVN phân cấp theo Quy chế này; iii) thuộc trách nhiệm, quyền hạn của EVN nhưng không có quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN, trừ công việc HĐQT EVN phân cấp cho HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP.

b. Quyết định phân cấp, phân cấp lại cho Giám đốc đơn vị trực thuộc EVN các công việc thuộc thẩm quyền của TGD EVN theo nguyên tắc: i) tăng cường phân cấp, phân quyền; ii) đảm bảo trách nhiệm giám sát của EVN.

c. Ban hành các quy định, quy trình tác nghiệp, hướng dẫn để điều hành, giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân thuộc EVN, HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP.

d. Thẩm tra, trình HĐQT EVN đối với các đề xuất của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN.

e. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chủ động điều hành HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II, cá nhân người đại diện hoặc nhóm người đại diện tại Công ty TNHH MTV cấp II theo Hợp đồng ủy quyền đại diện quản lý phần vốn và người đại diện của EVN tại CTCP.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

a. Quyết định hoặc biểu quyết phân cấp các công việc thuộc thẩm quyền cho các cấp quản lý, điều hành thuộc phạm vi quản lý theo nguyên tắc: i) tăng cường phân cấp, phân quyền, giao trách nhiệm cho TGD/Giám đốc, Giám đốc đơn vị trực thuộc và người đại diện tại doanh nghiệp khác chủ động quyết định, thực hiện; ii) đảm bảo mức phân cấp cho TGD/Giám đốc, Giám đốc đơn vị trực thuộc và người đại diện tại doanh nghiệp khác không thấp hơn mức độ, phạm vi HĐQT EVN, TGD EVN phân cấp cho các cấp, đơn vị tương ứng; iii) đảm bảo trách nhiệm giám sát của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP.

b. Đối với công việc vượt mức phân cấp cho các cấp quản lý, điều hành thuộc phạm vi quản lý, đồng thời vượt mức phân cấp của HĐQT EVN cho HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP, HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP báo cáo cấp có thẩm quyền theo Quy chế này thông qua chủ trương trước khi chỉ đạo thực hiện.

c. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua các công việc: i) được HĐQT EVN phân cấp theo Quy chế này; ii) không thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN, TGD EVN và EVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của EVN, Công ty TNHH MTV cấp II và Quy chế này.

d. HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP quyết định hoặc biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo Quy chế này trên cơ sở phù hợp với Kế hoạch hàng năm của doanh nghiệp, theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 3. Chiến lược, kế hoạch, đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN

a. Thông qua, trình cấp có thẩm quyền: i) Chiến lược phát triển EVN; ii) Kế hoạch 5 năm, hàng năm của EVN; iii) Kế hoạch đầu tư công.

b. Thông qua: i) Kế hoạch hàng năm của Tập đoàn (kế hoạch tổng thể của Cơ quan EVN, đơn vị trực thuộc EVN, Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP cấp II trong lĩnh vực phát điện); ii) Kế hoạch 5 năm, hàng năm của CTCP cấp II.

c. Phê duyệt: i) Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển EVN; ii) Kế hoạch triển khai Kế hoạch 5 năm của EVN, iii) Kế hoạch 5 năm của các Công ty TNHH MTV cấp II.

d. Thông qua Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả, kết quả đánh giá hiệu quả, xếp loại các Đơn vị cấp II.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Giao Kế hoạch hàng năm cho các đơn vị theo Kế hoạch hàng năm của Tập đoàn đã được HĐQT EVN thông qua.

b. Quyết định bổ sung nội dung về kế hoạch đầu tư xây dựng, vốn đầu tư trong Kế hoạch hàng năm của EVN để đảm bảo tính liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng không quá 10% kế hoạch vốn đầu tư trong năm kế hoạch đã được HĐQT EVN thông qua.

c. Quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung nội dung về chi phí sản xuất kinh doanh trong Kế hoạch hàng năm đã giao cho các đơn vị thành viên EVN để đảm bảo tính liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng không quá 10% tổng chi phí được duyệt trong năm kế hoạch đã được HĐQT EVN thông qua, đảm bảo không vượt định mức do EVN ban hành.

d. Quyết định chủ trương thực hiện, chi phí thực hiện công tác sửa chữa, mua sắm vật tư, thiết bị, dịch vụ cần thực hiện trước khi ban hành Kế hoạch hàng năm của EVN để đảm bảo tính liên tục, ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng không quá 10% tổng chi phí được duyệt trong kế hoạch năm trước liền kề.

e. Quyết định chủ trương mua sắm, chi phí thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ chưa có trong kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh của EVN để khắc phục ngay sự cố hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, sự kiện bất khả kháng khác.

f. Quyết định mua sắm và tổ chức thực hiện, ký hợp đồng dịch vụ, mua sắm sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh (không giới hạn mức giá trị của hợp đồng, trừ trường hợp dịch vụ, mua sắm có quy định phân cấp khác tại Quy chế này) theo kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh của EVN.

g. Phê duyệt các khoản chi tài trợ cho chương trình an sinh xã hội của EVN.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP:

a. Phê duyệt hoặc biểu quyết phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch 5 năm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP.

b. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua bổ sung nội dung về kế hoạch đầu tư xây dựng, vốn đầu tư trong Kế hoạch hàng năm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP, nhưng không quá 10% kế hoạch vốn đầu tư trong năm kế hoạch đã được EVN giao hoặc thông qua và phải đảm bảo đạt các chỉ tiêu tài chính do EVN giao.

c. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua điều hòa kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh giữa các danh mục/hạng mục trong Kế hoạch hàng năm đã được EVN giao hoặc thông qua, với điều kiện không vượt tổng chi phí được giao hoặc thông qua, không vượt định mức do EVN ban hành, và phải đảm bảo đạt các chỉ tiêu tài chính do EVN giao.

d. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua chủ trương thực hiện, chi phí thực hiện công tác sửa chữa, mua sắm vật tư, thiết bị, dịch vụ cần thực hiện trước khi ban hành Kế hoạch hàng năm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP để đảm bảo tính liên tục, ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng không quá 10% tổng chi phí được duyệt trong kế hoạch năm trước liền kề.

e. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua chủ trương mua sắm, chi phí thực

hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ chưa có trong kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP để khắc phục ngay sự cố hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, sự kiện bất khả kháng khác.

f. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua việc mua sắm sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh (không giới hạn mức giá trị của hợp đồng, trừ trường hợp dịch vụ, mua sắm có quy định phân cấp khác tại Quy chế này) theo kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP.

g. Phê duyệt hoặc biểu quyết phê duyệt các khoản chi tài trợ cho chương trình an sinh xã hội sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP trên cơ sở đảm bảo đạt các chỉ tiêu tài chính do EVN giao.

Điều 4. Chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN

a. Dự án sử dụng vốn đầu tư công giao EVN:

- Thông qua, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật đầu tư công.

- Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án EVN được giao nhiệm vụ đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b. Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công EVN được giao thực hiện hoặc đề xuất làm nhà đầu tư hoặc làm chủ đầu tư:

- Thông qua, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: i) dự án vượt quá mức vốn của dự án nhóm B; ii) dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

- Thông qua dự án đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án vượt quá mức vốn của dự án nhóm B.

- Quyết định đầu tư dự án sau khi được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và thực hiện các trách nhiệm, quyền hạn của người có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án vượt quá mức vốn của dự án nhóm B, trừ các dự án do cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật và các nội dung phân cấp cho TGD EVN tại khoản 2 Điều này.

- Phê duyệt các nội dung được cấp có thẩm quyền ủy quyền cho EVN phê duyệt đối với dự án vượt quá mức vốn của dự án nhóm B.

c. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án do HĐQT EVN quyết định đầu tư hoặc được cấp có thẩm quyền ủy quyền, giao nhiệm vụ phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Thông qua Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt đối với các dự án EVN được cấp có thẩm quyền yêu cầu báo cáo.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Quyết định đầu tư đối với dự án EVN được giao thực hiện hoặc đề xuất làm nhà đầu tư hoặc làm chủ đầu tư không vượt quá mức vốn của dự án nhóm B, trừ các dự án do cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

b. Quyết định hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền các nội dung trong tất cả các giai đoạn của dự án, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án EVN được giao thực hiện hoặc đề xuất làm nhà đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐTV EVN nêu tại khoản 1 Điều này.

c. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thuộc dự án do HĐTV EVN quyết định đầu tư, bao gồm: gói thầu đấu thầu trước; gói thầu cần thực hiện trước khi quyết định đầu tư; gói thầu tư vấn; gói thầu phi tư vấn; gói thầu thực hiện, thi công các hạng mục phụ trợ cho công trình chính (công tác rà phá bom mìn vật nổ, quan trắc, điện, nước phục vụ thi công, công trình giao thông phục vụ thi công, vận hành, công trình nhà tạm, kho tạm phục vụ quản lý, điều hành dự án tại công trường); gói thầu thuộc phương án chuẩn bị sản xuất.

3. Thẩm quyền của HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

Quyết định đầu tư hoặc biểu quyết thông qua quyết định đầu tư dự án (không thuộc dự án đầu tư công) do Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP được giao thực hiện hoặc đề xuất làm nhà đầu tư hoặc làm chủ đầu tư có giá trị không vượt quá 50% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

Điều 5. Mua, bán điện với nước ngoài

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Thông qua đề nghị phê duyệt chủ trương mua, bán điện với nước ngoài cấp điện áp từ 110kV trở lên (trừ xuất khẩu điện phục vụ thử nghiệm, tự dùng các nhà máy điện), để TGD EVN trình cấp có thẩm quyền.

b. Thông qua: i) giá và hợp đồng đối với dự án xuất, nhập khẩu điện qua lưới điện nước ngoài cấp điện áp trên 110kV (trừ xuất khẩu điện phục vụ thử nghiệm, tự dùng các nhà máy điện); ii) giá và hợp đồng đối với dự án nhập khẩu điện từ nhà máy điện có công suất thiết kế trên 200MW; iii) sửa đổi, bổ sung nội dung về giá và chủ thể hợp đồng đối với các hợp đồng nêu tại mục i và ii điểm này.

2. Thẩm quyền của TGD EVN: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương mua, bán điện với nước ngoài; phê duyệt giá và hợp đồng các dự án xuất, nhập khẩu điện, trừ nội dung thuộc thẩm quyền của HĐTV EVN và HĐTV các Tổng công ty Điện lực.

3. Thẩm quyền của HĐTV các Tổng công ty Điện lực: Phê duyệt giá và hợp đồng, tổ chức ký kết, thực hiện hợp đồng theo ủy quyền của EVN đối với dự án xuất, nhập khẩu điện qua lưới điện nước ngoài cấp điện áp đến 110kV.

Điều 6. Khung giá, giá điện, giá các dịch vụ về điện, hợp đồng mua bán điện và hợp đồng cung cấp dịch vụ điện trong nước

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Thông qua, đề TGD EVN trình cấp có thẩm quyền khung giá: i) nhập khẩu điện; ii) phát điện; iii) bán buôn điện; iv) mức giá bán lẻ điện bình quân.

b. Thông qua: i) giá, hợp đồng và hợp đồng sửa đổi bổ sung nhà máy điện BOT; ii) giá, hợp đồng và hợp đồng sửa đổi bổ sung nội dung về giá và chủ thể hợp đồng các nhà máy điện khác (bao gồm cả nhà máy điện do EVN làm chủ sở hữu, nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ) có công suất thiết kế trên 200MW.

c. Thông qua giá, hợp đồng, hợp đồng sửa đổi bổ sung nội dung về giá và chủ thể hợp đồng dự án nhiệt điện bán phần điện dư có công suất bán điện trên 200MW.

d. Phê duyệt Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các loại hình nguồn điện phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

e. Thông qua Hợp đồng cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng dùng chung trong trường hợp EVN ký kết với bên thứ ba để thực hiện nghĩa vụ của EVN về cơ sở hạ tầng dùng chung trong Hợp đồng mua bán điện.

f. Thông qua kết quả tính toán các thông số và chi phí thuộc trách nhiệm của EVN theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế DPPA.

g. Thông qua đề xuất giá dịch vụ: i) truyền tải điện; ii) phân phối điện; iii) vận hành hệ thống điện và thị trường điện, để trình cấp có thẩm quyền.

h. Phê duyệt: i) giá bán điện giữa EVN với các Tổng công ty Điện lực; ii) mức điều chỉnh và thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân; iii) phương án giá bán lẻ điện.

i. Thông qua, đề TGD EVN trình cấp có thẩm quyền: i) giá bán lẻ điện bình quân; ii) cơ chế, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân; iii) cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; iv) phương án giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia; v) lộ trình giảm bù chéo giá điện; vi) lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; vii) cơ chế giá điện phù hợp cho các nhóm khách hàng sử dụng điện đặc thù.

2. Thẩm quyền của TGD EVN: Phê duyệt giá (hoặc thông qua giá để báo cáo cấp có thẩm quyền) và hợp đồng, hợp đồng sửa đổi bổ sung các hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ về điện, quyết định các vấn đề, thỏa thuận phát sinh từ hợp đồng trong quá trình thực hiện, trừ nội dung thuộc thẩm quyền của HĐTV EVN và HĐTV các Tổng công ty Điện lực.

3. Thẩm quyền của HĐTV các Tổng công ty Điện lực

a. Phê duyệt, tổ chức ký kết, thực hiện Hợp đồng mua bán điện (bao gồm cả giá) các dự án đầu nối vào lưới điện của Tổng công ty Điện lực thuộc các loại hình sau: i) Dự án thủy điện có công suất thiết kế đến 30MW; ii) Cụm nhà máy thủy điện bậc thang áp dụng biểu giá chi phí tránh được; iii) Nguồn năng lượng

tái tạo, năng lượng mới bán phần điện dư theo biểu giá được cơ quan có thẩm quyền công bố (bao gồm các nhà máy theo cơ chế DPPA); iv) Dự án nhiệt điện bán phần điện dư có công suất bán đến 30MW.

b. Quyết định nội dung hợp đồng, việc ký kết, quản lý và thực hiện hợp đồng bán điện cho khách hàng sử dụng điện mua điện từ lưới điện thuộc phạm vi quản lý của Tổng công ty Điện lực.

Điều 7. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Thông qua: i) chủ trương đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP có vốn góp của EVN; ii) chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP có vốn góp của EVN tại doanh nghiệp khác.

b. Quyết định phương án chuyển nhượng vốn của EVN đầu tư tại CTCP trên cơ sở danh mục chuyển nhượng vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của EVN sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư, HĐTV EVN báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

c. Phê duyệt danh mục chuyển nhượng vốn của Doanh nghiệp cấp II đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Thẩm quyền của HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP: Quyết định hoặc biểu quyết thông qua Phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP tại các doanh nghiệp khác sau khi được HĐTV EVN phê duyệt danh mục chuyển nhượng vốn. Trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư, HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II, người đại diện của EVN tại CTCP báo cáo HĐTV EVN xem xét, quyết định.

Điều 8. Mua sắm tài sản cố định (TSCĐ), điều chuyển tài sản

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Quyết định mua sắm TSCĐ cho EVN và các đơn vị thành viên EVN có giá trị từ 500 tỷ đồng đến mức tối đa EVN được phép quyết định hoặc mức EVN phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

b. Quyết định điều chuyển tài sản theo hình thức thức tăng giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ EVN giữa EVN và các Công ty TNHH MTV cấp II, giữa các Công ty TNHH MTV cấp II.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Quyết định mua sắm TSCĐ cho EVN và các đơn vị thành viên EVN có giá trị dưới 500 tỷ đồng, trừ mua sắm TSCĐ HĐTV EVN đã phân cấp cho HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP.

b. Quyết định điều chuyển tài sản theo hình thức tăng giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu giữa các đơn vị trực thuộc EVN.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

a. Quyết định hoặc biểu quyết mua sắm TSCĐ cho Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP có giá trị đến 50% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định mua sắm nhưng không vượt quá 250 tỷ đồng; danh mục TSCĐ có giá trị từ 20 tỷ đồng/01 TSCĐ dự kiến mua sắm phải đưa vào Kế hoạch hàng năm của đơn vị.

b. HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II quyết định điều chuyển tài sản theo hình thức tăng giảm vốn giữa Công ty TNHH MTV cấp II và các Công ty TNHH MTV cấp III, giữa các Công ty TNHH MTV cấp III, giữa các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp II.

Điều 9. Cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản (không bao gồm thế chấp, cầm cố tài sản để huy động vốn)

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN: Quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản của EVN và các đơn vị thành viên EVN có giá trị còn lại của tài sản từ 500 tỷ đồng đến mức tối đa EVN được phép quyết định hoặc mức EVN phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền của TGD EVN: Quyết định các hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản của EVN và các đơn vị thành viên EVN có giá trị còn lại của tài sản dưới 500 tỷ đồng, trừ hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản HĐQT EVN đã phân cấp cho HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP: Quyết định hoặc biểu quyết thông qua các hợp đồng cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP có giá trị đến 50% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản không vượt quá 250 tỷ đồng.

Điều 10. Phương án huy động vốn, khoản vay, chuyển nợ vay, bảo lãnh vay vốn và thế chấp, cầm cố tài sản để huy động vốn

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN

a. Thông qua phương án huy động vốn (không bao gồm vay vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài) phục vụ nhu cầu đầu tư và sản xuất kinh doanh của EVN có

mức huy động vốn vượt quá mức vốn của dự án nhóm B để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt; Quyết định phương án huy động vốn sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

b. Quyết định chuyển nợ vay của EVN cho công ty con, công ty liên kết của EVN khi khoản nợ vay cần chuyển giao có giá trị vượt quá mức vốn của dự án nhóm B.

c. Quyết định các khoản bảo lãnh của EVN cho các công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng trong nước có giá trị vượt quá mức vốn của dự án nhóm B.

d. Thông qua các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản của EVN có giá trị từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của EVN tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thế chấp, cầm cố tài sản hoặc giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố vượt quá mức vốn của dự án nhóm B để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền của TGD EVN: Quyết định các phương án huy động vốn, khoản vay, chuyển nợ vay, bảo lãnh vay vốn, hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản để huy động vốn của EVN dưới mức thông qua hoặc quyết định của HĐQT EVN.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP:

a. Phương án huy động vốn, khoản vay phục vụ cho các dự án đầu tư: cấp quyết định hoặc biểu quyết thông qua dự án đầu tư là cấp phê duyệt hoặc quyết định hoặc biểu quyết thông qua phương án huy động vốn, khoản vay.

b. Phương án huy động vốn, khoản vay phục vụ cho sản xuất kinh doanh: thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hoặc biểu quyết thông qua phương án huy động vốn, khoản vay bằng với thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc biểu quyết thông qua quyết định đầu tư.

c. Bảo lãnh vay vốn: Quyết định hoặc biểu quyết thông qua việc bảo lãnh vay vốn cho các công ty con của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP vay vốn tại các tổ chức tín dụng trong nước theo quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện:

- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một công ty con do Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP nắm giữ 100% vốn điều lệ không vượt quá giá trị vốn chủ sở hữu của công ty con theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm bảo lãnh.

- Tổng giá trị các khoản bảo lãnh đối với công ty con do Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP tại thời điểm bảo lãnh, đảm bảo nguyên tắc tỷ lệ (%) bảo lãnh của từng khoản vay không vượt quá tỷ lệ (%) vốn góp của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP trong doanh nghiệp được bảo lãnh vay vốn và tổng các khoản bảo lãnh vay vốn không được vượt quá số vốn góp thực tế của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP tại doanh nghiệp được bảo lãnh tại thời điểm bảo lãnh.

d. Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản để huy động vốn: Cấp phê duyệt hoặc quyết định hoặc biểu quyết thông qua phương án huy động vốn, khoản vay là cấp phê duyệt hoặc quyết định hoặc biểu quyết thông qua các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản của phương án huy động vốn, khoản vay đó.

Điều 11. Công tác cán bộ

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Quyết định kiện toàn nhân sự các chức danh: TGD EVN, sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua; Phó TGD và Kế toán trưởng EVN; Chủ tịch HĐTV/Người đại diện là Chủ tịch HĐQT, TGD/Người đại diện là TGD, Thành viên HĐTV/Người đại diện là Thành viên HĐQT hoặc tương đương, người đại diện và Kiểm soát viên tại các Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP có vốn góp của EVN.

b. Thông qua kiện toàn nhân sự chức danh: Giám đốc hoặc tương đương Đơn vị cấp II trực thuộc EVN; Chánh Văn phòng, Trưởng ban EVN; Phó TGD/Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP cấp II; Người đứng đầu, TGD/Giám đốc Đơn vị cấp III thuộc EVNNPC, EVNCPC, EVNSPC, EVNNPT, EVNGENCO1, EVNGENCO2, EVNGENCO3.

c. Ký hợp đồng ủy quyền với những người đại diện để quản lý phần vốn của EVN tại các Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP có vốn góp của EVN. Thông qua Bản phân công trách nhiệm giữa những người đại diện trong trường hợp có nhiều người đại diện.

d. Thông qua số lượng, thành phần, cơ cấu HĐQT, người đại diện, Ban điều hành (TGD/ Giám đốc, Phó TGD/Phó Giám đốc) đối với các CTCP cấp II.

e. Quyết định xếp loại chất lượng hàng năm đối với: Phó TGD và Kế toán trưởng EVN; Chủ tịch HĐTV/Người đại diện là Chủ tịch HĐQT, TGD/Người đại diện là TGD hoặc tương đương, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP có vốn góp của EVN.

f. Quyết định quy hoạch các chức danh: TGD EVN, sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua; Phó TGD và Kế toán trưởng EVN. Thông qua quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ diện EVN quản lý các giai đoạn.

g. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại/cử lại, giới thiệu để bầu, bổ nhiệm lại/ kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ do HĐTV EVN ký quyết định kiện toàn.

i. Thông qua/quyết định tạm đình chỉ/hủy tạm đình chỉ chức vụ đối với cán bộ diện HĐTV EVN cử/bổ nhiệm/thông qua để bổ nhiệm.

j. Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ do HĐTV EVN ký quyết định kiện toàn. Thông qua để TGD EVN/Người đại diện của EVN tại CTCP xử lý kỷ luật đối với cán bộ diện EVN quản lý ở các hình thức: buộc thôi việc, cách chức, sa thải.

k. Quyết định giao Người đại diện phụ trách HĐTV Công ty TNHH MTV cấp II, phụ trách nhóm người đại diện tại CTCP cấp II. Giao cán bộ thực hiện nhiệm vụ quyền/chức trách, nhiệm vụ/kiêm nhiệm Chủ tịch HĐTV, TGD/Giám

độc Công ty TNHH MTV cấp II, người đại diện được cử để ứng cử là Chủ tịch HĐQT CTCP cấp II.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Quyết định kiện toàn nhân sự các chức danh: Giám đốc Đơn vị cấp II trực thuộc EVN, Chánh Văn phòng, Trưởng ban EVN hoặc tương đương, sau khi được HĐQT EVN thông qua; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Đơn vị cấp II trực thuộc EVN, Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng ban EVN hoặc tương đương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng hoặc tương đương thuộc Văn phòng EVN.

b. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại/kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ do TGD EVN ký quyết định kiện toàn.

c. Quyết định xếp loại chất lượng hàng năm đối với Giám đốc các Đơn vị cấp II trực thuộc EVN, Trưởng ban EVN, Chánh Văn phòng EVN hoặc tương đương.

d. Quyết định tạm đình chỉ/hủy tạm đình chỉ chức vụ đối với Giám đốc Đơn vị cấp II trực thuộc EVN, Trưởng ban EVN, Chánh Văn phòng EVN hoặc tương đương, sau khi được HĐQT EVN thông qua; cán bộ lãnh đạo, quản lý khác do TGD EVN ký quyết định kiện toàn.

e. Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ do TGD EVN ký quyết định kiện toàn.

f. Quyết định giao cán bộ thực hiện nhiệm vụ quyền/chức trách, nhiệm vụ/kiêm nhiệm Giám đốc các Đơn vị cấp II trực thuộc EVN, Trưởng ban, Chánh Văn phòng EVN.

g. Ban hành các quyết định, công văn hoặc ủy quyền để Trưởng ban Tổ chức và Nhân sự EVN thông báo bằng văn bản các nội dung về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của TGD EVN; ban hành các quy định/hướng dẫn về công tác cán bộ trong Tập đoàn.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

a. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua kiện toàn nhân sự các chức danh: Phó TGD/Phó Giám đốc hoặc tương đương, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP cấp II, TGD/Giám đốc, Người đứng đầu Đơn vị cấp III hoặc tương đương, sau khi được HĐQT EVN thông qua; Kiểm soát viên tại các Công ty TNHH MTV cấp III và CTCP có vốn góp. HĐQT EVNHANOI, EVNHCMC quyết định việc kiện toàn nhân sự chức danh Giám đốc hoặc tương đương Đơn vị cấp III.

b. Thông qua việc kiện toàn nhân sự chức danh Chánh Văn phòng, Trưởng ban, Phó Giám đốc hoặc tương đương, Kế toán trưởng Đơn vị cấp III trực thuộc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp III.

c. Thông qua chủ trương, quyết định việc kiện toàn nhân sự người đại diện khác tại CTCP có vốn góp; giới thiệu nhân sự Kiểm soát viên để nhóm người đại diện biểu quyết bầu tại CTCP có vốn góp.

d. Ký hoặc biểu quyết thông qua hợp đồng ủy quyền với những người đại diện, Bản phân công trách nhiệm giữa những người đại diện phần vốn trong trường hợp có nhiều người đại diện phần vốn để quản lý phần vốn của Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP cấp II tại các Công ty TNHH MTV cấp III/ CTCP có vốn góp.

e. Thông qua việc kiện toàn nhân sự các chức danh Phó TGD/ Phó Giám đốc, Kế toán trưởng CTCP cấp III.

f. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua xếp loại chất lượng hàng năm đối với Thành viên HĐQT/Người đại diện là Thành viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng, Giám đốc Đơn vị cấp III, Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV cấp III/CTCP có vốn góp, người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các CTCP do Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, hoặc quyền chi phối khác giữ các chức vụ Chủ tịch/TGD/Giám đốc.

g. Thông qua quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ diện Đơn vị cấp II quản lý.

h. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại/cử lại/giới thiệu đề bầu, bổ nhiệm lại/kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ do HĐQT Công ty TNHH MTV cấp II/HĐQT CTCP cấp II ký quyết định kiện toàn.

j. Quyết định tạm đình chỉ/hủy tạm đình chỉ chức vụ đối với cán bộ diện EVN quản lý, sau khi được HĐQT EVN thông qua; Thông qua/quyết định tạm đình chỉ/hủy tạm đình chỉ chức vụ đối với cán bộ diện Đơn vị cấp II quản lý.

k. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua xử lý kỷ luật đối với cán bộ do HĐQT/HĐQT Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP cấp II ký quyết định kiện toàn; thông qua đề TGD Đơn vị cấp II/Đơn vị cấp III xử lý kỷ luật đối với cán bộ diện Đơn vị cấp II quản lý ở các hình thức: buộc thôi việc, cách chức, sa thải.

l. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua giao cán bộ thực hiện nhiệm vụ quyền/chức trách, nhiệm vụ/ kiêm nhiệm Chủ tịch, TGD/Giám đốc Đơn vị cấp III, Người đại diện là Chủ tịch HĐQT/Phụ trách nhóm người đại diện tại CTCP cấp III cho đến khi EVN thông qua kiện toàn nhân sự thay thế theo quy định.

Điều 12. Viễn thông, công nghệ thông tin và tự động hóa

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN

a. Phê duyệt: i) Định hướng phát triển hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa của Tập đoàn; ii) Các đề án/kế hoạch chuyển đổi số, nghiên cứu phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo của Tập đoàn.

b. Thông qua: i) Danh mục các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa sử dụng chung trong Tập đoàn; ii) Chủ trương cho thuê và trao đổi dịch vụ, cơ sở hạ tầng viễn thông, hệ thống công nghệ thông tin của Tập đoàn.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Thông qua kế hoạch phát triển hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa của các đơn vị trực thuộc EVN.

b. Cấp phát tài nguyên hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin, tự động

hóa do EVN đầu tư cho các Doanh nghiệp cấp II.

c. Phê duyệt: i) Kiến trúc tổng thể hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin (bao gồm cả kiến trúc EA - Enterprise Architecture); ii) Kiến trúc của từng hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin; iii) Cấu trúc/kiến trúc/khung dữ liệu và cơ sở dữ liệu dùng chung trong Tập đoàn.

d. Phê duyệt chỉ tiêu vận hành hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin hàng năm cho các Doanh nghiệp cấp II.

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

a. Phê duyệt hoặc biểu quyết thông qua kế hoạch phát triển hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin và tự động hóa tại Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP sau khi được EVN thông qua.

b. Phê duyệt hoặc biểu quyết thông qua chỉ tiêu vận hành hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin hàng năm cho các Doanh nghiệp cấp III.

Điều 13. Công tác quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa và công tác nhiên liệu, vật tư, vật liệu

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN: Thông qua chỉ tiêu chính đánh giá hiệu quả hoạt động và độ tin cậy vận hành nguồn điện, lưới điện trong Kế hoạch 5 năm và hàng năm của các đơn vị.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Phê duyệt: i) Danh mục vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược của các đơn vị trực thuộc EVN; ii) Danh mục sửa chữa lớn cho các đơn vị trực thuộc EVN; iii) Quy trình vận hành, quy định quản lý kỹ thuật áp dụng cho nhiều đơn vị.

b. Quyết định toàn bộ công việc trong công tác quản lý kỹ thuật, công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa nguồn điện, lưới điện của EVN và công tác mua vật tư thiết bị, công tác mua nhiên liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh của EVN (không giới hạn mức giá trị hợp đồng mua nhiên liệu).

3. Thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

Quyết định hoặc biểu quyết thông qua toàn bộ công việc trong công tác quản lý kỹ thuật, công tác vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa nguồn điện, lưới điện của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP, công tác mua vật tư thiết bị, công tác mua nhiên liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP (không giới hạn mức giá trị hợp đồng mua nhiên liệu), đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy nguồn điện, lưới điện thuộc phạm vi quản lý và phù hợp với hệ thống định mức, đơn giá do EVN ban hành.

Điều 14. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực (ĐTPTNNL)

1. Thẩm quyền của HĐQT EVN

a. Phê duyệt định hướng, kế hoạch ĐTPTNNL 5 năm của EVN.

b. Phê duyệt Chương trình khung đào tạo cán bộ quản lý trong Tập đoàn.

2. Thẩm quyền của TGD EVN: Thông qua tiêu chuẩn và công nhận chuyên gia cấp EVN; công nhận giảng viên nội bộ cấp EVN.

3. Thẩm quyền của HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP

a. Công nhận hoặc biểu quyết thông qua công nhận chuyên gia, giảng viên nội bộ cấp Tổng công ty.

b. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua quy định các vị trí chức danh, ngành nghề cần thi giữ bậc đối với các đơn vị trực thuộc Tổng công ty; tổ chức toàn bộ công tác bồi dưỡng và thi nâng bậc, giữ bậc, sát hạch nghề trong Tổng công ty.

Điều 15. Công tác lao động, tiền lương

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và chuyển xếp lương, tiêu chuẩn xếp hạng trong Tập đoàn; quyết định xếp hạng đối với các đơn vị trực thuộc EVN.

b. Phê duyệt kế hoạch lao động, định mức lao động sản xuất kinh doanh điện, định biên lao động Cơ quan EVN, đơn vị trực thuộc EVN, Công ty TNHH MTV cấp II, quỹ tiền lương thực hiện năm trước, quỹ tiền lương kế hoạch (bao gồm cả tiền an toàn điện) của người lao động và Ban điều hành EVN.

c. Thông qua mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước liền kề và mức tiền lương, thù lao kế hoạch của từng Thành viên HĐTV và Kiểm soát viên EVN, đơn giá tiền lương ổn định của EVN để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

d. Cho ý kiến về quỹ tiền lương thực hiện năm trước, quỹ tiền lương kế hoạch (bao gồm cả tiền an toàn điện) của người lao động và Ban điều hành Công ty TNHH MTV cấp II; Phê duyệt mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước liền kề và mức tiền lương, thù lao kế hoạch của từng Thành viên HĐTV, Kiểm soát viên, đơn giá tiền lương ổn định Công ty TNHH MTV cấp II.

e. Chỉ đạo đề người đại diện tại các CTCP có cổ phần, vốn góp chi phối của EVN trong lĩnh vực phát điện tham gia ý kiến để HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định kế hoạch lao động, định biên lao động; quỹ tiền lương thực hiện năm trước, quỹ tiền lương kế hoạch (bao gồm cả tiền an toàn điện) của người lao động và Ban điều hành; mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước, mức tiền lương, thù lao kế hoạch của từng Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; đơn giá tiền lương ổn định của CTCP.

f. Chỉ đạo đề người đại diện tại các CTCP có cổ phần, vốn góp chi phối của EVN (trừ CTCP trong lĩnh vực phát điện) tham gia ý kiến để HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định quỹ tiền lương thực hiện năm trước, quỹ tiền lương kế hoạch (bao gồm cả tiền an toàn điện, nếu có) của người lao động và Ban điều hành; mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước, mức tiền lương, thù lao kế hoạch của từng Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; đơn giá tiền lương ổn định của CTCP.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Quyết định toàn bộ công tác tuyển dụng lao động cho EVN theo định biên lao động, kế hoạch lao động được HĐTV EVN phê duyệt.

b. Quyết định việc xếp lương, nâng bậc lương đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người lao động đơn vị trực thuộc EVN, người lao động Cơ quan EVN.

c. Quyết định việc thi và xếp lương nâng ngạch cao cấp, ngạch chính đối với người lao động EVN; thông qua việc thi và xếp lương nâng ngạch cao cấp đối với người lao động tại các công ty con của EVN.

d. Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm trước, quỹ tiền lương kế hoạch (bao gồm cả tiền an toàn điện, nếu có) của Cơ quan EVN và các đơn vị trực thuộc EVN.

3. Thẩm quyền của HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP:

a. Phê duyệt hoặc biểu quyết phê duyệt kế hoạch lao động của công ty mẹ - công ty TNHH MTV cấp II/CTCP, các công ty TNHH MTV cấp III, các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP (sau khi có ý kiến của HĐTV EVN).

b. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua xếp lương, nâng bậc lương đối với Chủ tịch HĐTV/HĐQT, Chủ tịch công ty, Thành viên HĐTV/HĐQT, TGD/Giám đốc, Phó TGD/Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP.

c. Quyết định hoặc biểu quyết thông qua xếp hạng đối với các đơn vị trực thuộc các công ty TNHH MTV cấp II/CTCP (đối với CTCP đang áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương của EVN).

d. Quyết định xếp lương ngạch cao cấp sau khi được TGD EVN thông qua, quyết định việc thi và xếp lương nâng ngạch chính đối với người lao động thuộc đơn vị theo quy định hiện hành.

e. Phê duyệt hoặc biểu quyết phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm trước, quỹ tiền lương kế hoạch (bao gồm cả tiền an toàn điện) của người lao động và Ban điều hành Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP, đơn giá tiền lương ổn định của CTCP, báo cáo EVN.

f. Thông qua việc xác định mức tiền lương, thù lao thực hiện năm trước liền kề và mức tiền lương, thù lao kế hoạch của từng Thành viên HĐTV/HĐQT, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV cấp II/CTCP để báo cáo HĐTV EVN phê duyệt hoặc chỉ đạo.

Điều 16. Công tác tổ chức, thi đua, khen thưởng

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Quyết định phê duyệt hoặc thông qua Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động, ngành nghề kinh doanh của các công ty con của EVN, đơn vị trực thuộc EVN.

b. Thông qua mô hình tổ chức, cơ cấu bộ máy giúp việc của EVN, các công ty con của EVN, các đơn vị trực thuộc EVN và các Đơn vị cấp III.

c. Thông qua các Đề án sắp xếp, cơ cấu lại EVN và các đơn vị thành viên.

d. Phê duyệt Đề án thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu các công ty con, các đơn vị trực thuộc, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Công ty TNHH MTV cấp II và CTCP có vốn góp của EVN ở trong nước và ở nước ngoài.

e. Thông qua danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân, để TGD EVN trình cấp có thẩm quyền đối với:

- Tập thể: Danh hiệu vinh dự nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước; Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động.

- Cá nhân: Danh hiệu vinh dự nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động, đối với người quản lý EVN và các chức danh do HĐTV EVN thông qua/quyết định kiện toàn.

2. Thẩm quyền của TGD EVN:

a. Quyết định phương án chuẩn bị sản xuất các nhà máy điện, các đường dây và trạm biến áp do EVN làm chủ đầu tư trước khi đưa vào vận hành.

b. Phối hợp với Công đoàn Điện lực Việt Nam phát động phong trào thi đua trong Tập đoàn hoặc phong trào thi đua liên kết với các đơn vị trong và ngoài ngành điện.

c. Chủ trì xét khen thưởng cấp Nhà nước, cấp bộ và các khen thưởng khác theo quy định của pháp luật.

d. Quyết định tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của EVN theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền của HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP:

Quyết định hoặc biểu quyết thông qua các nội dung về công tác tổ chức: i) các nội dung có liên quan sau khi HĐTV EVN phê duyệt hoặc thông qua tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này; ii) không thuộc thẩm quyền của HĐTV EVN, TGD EVN và EVN theo quy định của Điều lệ của EVN, Điều lệ của Công ty TNHH MTV cấp II.

Điều 17. Công tác xây dựng định mức - đơn giá

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Phê duyệt các định mức trong công tác sửa chữa các nhà máy điện, công trình điện, các loại định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và các định mức khác phục vụ công tác sản xuất kinh doanh điện.

b. Phê duyệt các định mức vật tư, thiết bị dự phòng chiến lược; định mức

nguyên liệu, vật liệu dự phòng cho sản xuất.

2. Thẩm quyền của TGD EVN: Phê duyệt đơn giá cho thuê cột điện, sợi quang (không bao gồm sợi quang kết nối ra các đảo thuộc phạm vi quản lý của các Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP có vốn góp của EVN) và đơn giá cho thuê văn phòng, đơn giá dịch vụ Tòa nhà EVN.

3. Thẩm quyền của HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP: Phê duyệt hoặc biểu quyết thông qua các đơn giá cho thuê sợi quang kết nối ra các đảo thuộc phạm vi quản lý, các đơn giá dịch vụ, sản phẩm của Công ty TNHH MTV cấp II, CTCP (trừ đơn giá cho thuê cột điện).

Điều 18. Công tác khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn cơ sở

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Thông qua định hướng, nội dung hoạt động khoa học công nghệ của Tập đoàn trong Kế hoạch 5 năm và hàng năm của Tập đoàn.

b. Ban hành các Tiêu chuẩn cơ sở áp dụng trong Tập đoàn.

2. Thẩm quyền của TGD EVN

a. Giao kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật trên cơ sở định hướng, nội dung hoạt động khoa học công nghệ đã được HĐTV EVN thông qua trong Kế hoạch 5 năm và hàng năm của Tập đoàn.

b. Ban hành quy định về quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ của EVN.

c. Quyết định giao kế hoạch xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở của EVN.

d. Phê duyệt đề cương, dự toán xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở và ký hợp đồng xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở với các đơn vị biên soạn.

Điều 19. Công tác khác

1. Thẩm quyền của HĐTV EVN

a. Ban hành Quy chế điều chỉnh các lĩnh vực liên quan đến: phân cấp; kiểm toán nội bộ; cán bộ; tiền lương, thù lao, tiền thưởng; đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh.

b. Phê duyệt Chương trình tổng thể tiết kiệm chống lãng phí dài hạn, trung hạn và hàng năm của EVN và Tập đoàn.

c. Thông qua chủ trương hợp tác của EVN, các đơn vị trực thuộc EVN với các đối tác trong nước, nước ngoài.

d. Phê duyệt: i) Nguyên tắc thiết kế Hệ thống Nhân hiệu EVN; ii) giá trị Nhân hiệu EVN; iii) mức chi phí sử dụng Nhân hiệu EVN để thực hiện thu phí trong trường hợp chưa xác định được giá trị nhân hiệu.

e. Thông qua: i) đặt tên các đơn vị trong Tập đoàn, việc sử dụng thống nhất Nhân hiệu EVN trong Tập đoàn, sử dụng Nhân hiệu EVN tại các doanh nghiệp

khác; ii) góp vốn, liên doanh, liên kết bằng quyền sử dụng Nhân hiệu EVN vào các doanh nghiệp khác.

f. Thông qua các Đề án, Chương trình, Kế hoạch trung hạn, dài hạn thuộc các lĩnh vực khác của EVN và Tập đoàn chưa có quy định tại Quy chế này.

g. Quyết định thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN.

h. Thông qua Tài liệu Văn hóa EVN.

2. Thẩm quyền của TGD EVN:

a. Ban hành Quy định, Quy trình để quản lý, điều hành, giao trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong EVN, HĐQT/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP trong việc triển khai các công tác của EVN, định hướng xây dựng, ban hành quy định tại các đơn vị thành viên. Trường hợp Quy định, Quy trình có nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN, TGD EVN ban hành sau khi HĐQT EVN thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN.

b. Phê duyệt nội dung và kế hoạch thực hiện các loại thỏa thuận hợp tác, biên bản ghi nhớ giữa EVN và các đối tác trong nước, nước ngoài theo chủ trương được HĐQT EVN thông qua.

c. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy điện của EVN đã ký với bên cung cấp dịch vụ (trừ nội dung về thời hạn hợp đồng).

d. Phê duyệt phương án bố trí và giá thuê hàng năm cho các đơn vị trong Tòa nhà EVN.

f. Thông qua nội dung góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

e. Quyết định việc quản lý, sử dụng con dấu của EVN, các công việc thuộc phạm vi công tác bảo vệ bí mật nhà nước, công tác hành chính, văn thư lưu trữ trong EVN.

f. Quyết định: i) Hệ thống Nhân hiệu EVN phù hợp với nguyên tắc thiết kế do HĐQT EVN ban hành; ii) Hồ sơ thiết kế Nhân hiệu EVN iii) Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng Nhân hiệu EVN; iii) Xử lý vi phạm sử dụng Nhân hiệu EVN hoặc thu hồi quyền sử dụng Nhân hiệu EVN khi tỷ lệ vốn góp trực tiếp của EVN và Doanh nghiệp cấp II tại các doanh nghiệp sử dụng Nhân hiệu EVN giảm xuống mức dưới 36%.

g. Phê duyệt Bộ quy tắc ứng xử văn hoá của EVN, Kế hoạch văn hóa doanh nghiệp dài hạn và hàng năm.

h. Tổ chức, thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra trong EVN.

i. Xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các công việc thuộc thẩm quyền của TGD EVN; xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT EVN khi được HĐQT EVN giao.

Điều 20. Hiệu lực thực hiện và điều khoản chuyển tiếp

1. Các tổ chức, cá nhân thuộc EVN, HĐTV/Chủ tịch công ty Công ty TNHH MTV cấp II và người đại diện của EVN tại CTCP có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Quy chế này, trường hợp có vi phạm về thẩm quyền hoặc quyết định, thông qua nội dung công việc không hiệu quả hoặc dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản hoặc phân cấp cho các cấp quản lý, điều hành thuộc phạm vi quản lý không phù hợp với nguyên tắc quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy định của EVN.

2. Các công việc đã trình hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực nhưng chưa xem xét phê duyệt, quyết định hoặc thông qua thì thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quy chế này.

3. Quy chế này thay thế các quy định về thẩm quyền thông qua, quyết định, phê duyệt các công việc có liên quan đến công tác quản trị rủi ro, công tác an toàn, công tác điều tra sự cố nhà máy điện, lưới điện và hệ thống điện, công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ, công tác phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, công tác huy động vốn đối với các khoản tín dụng nước ngoài, phát hành trái phiếu quốc tế, quản lý người đại diện và các công tác khác có cùng phạm vi, lĩnh vực quy định tại Quy chế này trong các Quy chế quản lý nội bộ của EVN, các Nghị quyết, Quyết định của HĐTV EVN, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV cấp II ban hành trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực, trừ quy định về thẩm quyền trong công tác nhận chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiếp tục thực hiện theo Nội dung 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐTV ngày 20/02/2024 của HĐTV EVN.